

VŨ HOÀNG THƯ



# 50 NĂM SAU

“Như chim hồng, chim hạc. Dù lưu lạc mùi hương, chúng ta vẫn bay mãi trên vùng trời quê hương. Đuôi xòe đóa sen, lưng chờ núi, lòng ôm mặt trời, đôi mắt trừng trừng nhìn hư không xanh, và đôi cánh lộng làm rơi rụng nghìn dặm cách chia.” (Logo tạp chí Quê Mẹ, Paris)

Nếu có thể nào thu tóm lại một đám mây, thứ hơi nước mang âm hấp nhiệt độ, một ân tình của biển bốc hơi nơi xa xăm? Tôi sẽ cất giữ lại dù biết rằng đó chỉ là ảo tưởng hư hao. Mây sẽ trắng bay, điểm cho trời xanh bật dậy hẳn lên, hay mây sẽ vượn trong buổi cuối chôn ngày làm ráng cam óng đỏ. Mây cũng có thể cuộn cuộn đen màu ly biệt ngậm ngùi. Mây rất có thể làm nhiều điều. Và mây sẽ bay mãi trong bầu trời lữ thứ. Có một chốn về chăng? Không, đời vô định vì bản thể của mây vốn là hơi. Vì thân thể ấy sẽ ngưng đọng thành mưa khi thời tiết, điều kiện cho phép. Còn nếu không? Mây sẽ lang thang mãi không định hướng. Như một định mệnh.

Năm mươi năm trước những đám mây đen đã bay qua đời... Những vàng mây hải đảo tiếp tục bay theo chiều đếm của 50 mùa xuân, mây bay trên đầu và mây bay trong ký ức. Như một chiều cuối tháng tư Phú Quốc, những đám mây đen nặng chì, chồm xuống màu biển thẫm. Nắng hấp hối núp sau mây vạch từng tia quái gỡ xuống lòng vịnh.

Sau khi nghe Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng trên đài phát thanh Sài Gòn, đơn vị tôi rã ngũ, chưa biết phải đi đâu nhưng chắc phải ra khơi, chẳng còn lựa chọn nào khác.

Thương thuyền Challenger neo ngoài xa trong vịnh Phú Quốc, không hẹn mà như điểm đến. Suốt mấy đêm qua, tàu nhỏ đã di chuyển hàng ngàn người ra tàu Challenger. Thì ra vậy, mọi sự việc đã được an bài, mọi kế hoạch đã được tính toán. Những mắt xích của guồng máy sẽ được tháo gỡ và vứt bỏ khi chúng không còn cần thiết nữa.

Những người lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ gác ở cầu thang tàu Challenger chỉ cho đàn bà và con nít lên tàu, theo truyền thống lady first của Mỹ. Ph. và gia đình đã được lên trước, tôi là người cuối cùng may mắn thoát được lên tàu trong một khắc giây định mệnh. Vừa bước lên boong tàu, tôi liền nghe tiếng khóc dội vang theo tiếng sóng rầm rì đập vào mạn tàu. Thì ra tàu đã nhỏ neo rời đi. Gia đình chia cắt, người lên được, kẻ

thân yêu còn kẹt lại bên dưới, khóc than khôn xiết. Khúc phim của một quê hương đau khổ quay thật lẹ trong đầu, tôi đứng bất động nhìn biển khơi giữa những người đang cùng chung số phận. Cuộc chiến chấm dứt đột ngột, không hề có kẻ thắng người thua, nhân dân hai miền đất nước đều thua lỗ. Xa khuất phía bờ, Việt Nam bây giờ là một dải thẳm đen mờ cuối chân trời, xa dần, xa dần... Đất nước tôi đang chìm vào màn đêm đen đặc. Không hiểu vì lý do nào, hay từ một linh tính, tôi thăm vẩy tay chào. Chào gì nhỉ? Tôi không biết. Lòng tôi tắt tiếng, hồn tôi băng khuâng, cảm giác của sự mất mát tuôn trào không nói được. Chiếc thương thuyền hương mũi ra khơi càng lúc càng nhanh cho kịp vào vùng biển quốc tế vì bây giờ Việt Nam đã hoàn toàn nằm trong tay kiểm soát của Hà Nội. Giữa tiếng khóc bốn bề, nhớ mấy câu thơ bài Ai Sính của Khuất Nguyên khi ông nhìn dân gian chạy loạn, lúc đất Sở mất về tay Tần, Miếu bất tri kỳ sở chích / Thuận phong ba dĩ tòng lưu hề / Yên dương dương nhi vị khách. (Chẳng biết sẽ đặt chân đâu / Theo sóng gió mà trôi nổi / Biết lệnh đênh về chốn nào. – Đào Duy Anh dịch). Tình cảnh mấy ngàn năm trước sao vẫn giống như hôm nay!

Như thế, tôi cùng với một số bạn bè Hải quân theo tàu Challenger làm chuyến hải hành cuối cùng bất đắc dĩ.

Tàu chạy suốt đêm. Sáng hôm sau, tàu thả trôi ngoài khơi Vũng Tàu để vớt thêm ghe của dân chúng từ bờ ào ạt tiến ra. Vang vang từ radio của dân chúng mang theo trên tàu lời kêu gọi lính Ngụy ra đầu thú của đài phát thanh Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Ngoài kia biển Vũng Tàu lấm chấm đen hàng vạn con thuyền nhỏ bé bấp bênh trôi. Như những chiếc lá rụng mùa thu dù bây giờ chỉ mới mùa xuân. Câu hát thuở ấu thời không dựng hiện về, đời như chiếc thuyền nan, Tính tính tính tình tang tang / Cuộc đời mình như chiếc thuyền nan / Trôi nó trôi bèo bồng... Bây giờ trăm nghìn bá táng bèo bồng số phận sau cuộc đời. Rồi cũng sẽ đến Tokyo, Chicago, Karachi, Mexico, và nhiều nơi khác nữa trên khắp châu lục nhưng nào phải là những cuộc du hí vui tươi như lời bài hát “Chiếc thuyền nan”.

Những chiếc thuyền nhỏ bé như thế tiếp tục ra khơi trong hơn 20 năm sau 1975. Sóng gió, bão tố, hải tặc chờ đợi người vượt biển. “Thuyền nhân”, dịch từ tiếng Anh “Boat People”, thành danh từ thông dụng đầu môi của cộng đồng hải ngoại sau 1975 và thập niên 80, 90 để gọi những người bỏ nước tìm tự do. Ở trong nước, chính quyền gọi họ là những kẻ “vượt biên” với chủ ý ám chỉ một việc làm phi pháp. Nhưng có bao giờ Nhà Nước tự hỏi vì sao người dân bỏ nước ra đi?

Danh từ thuyền nhân nói lên sự quyết chí trong vô vọng vì lý tưởng sống cho xứng đáng nhân phẩm của con người. Thuyền Nhân là Kẻ Vượt Thoát, quyết định nắm lấy sinh mệnh của chính mình để thách thức quyền lực nhân danh Giải Phóng. Họ là những cử tri tuyệt vời nhất, sử dụng lá phiếu bằng chính đôi chân của mình, một lựa chọn nhân bản đẹp nhất trên cuộc đời để đối đầu với bạo tàn, với bóc lột vô nhân đang xảy ra trên quê hương. Dẫu rằng mỗi chuyến ra đi đều có thể là một hành trình đưa đến tử biệt, Thuyền trôi xa về đâu ai biết / Thuyền có về ghé bến tự do? Bài “Lời Kinh Đêm” của Việt Dzũng hát ở thời đại oan khiên ấy nói hết thân phận của người vượt biển, Thuyền Nhân. Không chỉ biển vô tình, nhân loại làm ngơ, chính sách hà khắc của Nhà Nước trên quê hương đã xua đuổi nhân dân ra biển lớn.

Người buông xuôi về nơi đáy nước

Người có mộng một nắm mọ xanh.

Biển ngày ngò hay biển man rợ

Biển có buồn hay biển chỉ làm ngơ.

(Lời kinh đêm – nhạc Việt Dzũng)

Và tôi bắt đầu cuộc đời tỵ nạn tại trại Orote Point nơi Guam mù mờ ốc đảo, có nắng dài ngày, có đêm thức rỗng, chờ đợi những mịt mù ngày tới. Tôi rướm lệ khi tình nguyện viên tập cho chúng tôi hát bài “This land is your land” ở trại tỵ nạn. Có thật vậy, chúng ta đã mất quê hương?

Những năm lưu xứ tiếp tục trôi qua, chuyện cơm áo, gia đình, như bất cứ người tỵ nạn nào, trở thành chuyện bình thường của đời sống.

Tôi đã trở về Việt Nam lần đầu sau 32 năm xa xứ. Nhớ nước đưa chân tôi về. Không gì khác. Buổi sáng đầu tiên hít thở không khí quê nhà, tôi đã ghi lại như thế này trong tập Bất Nắng:

“Nắng đầy lên lòng mắt. Nắng vỡ xuống rừng tùng. Ve râm rân dài suốt một vùng đồi. Tiếng hát điệu kỳ lâu lắm chưa được nghe, người hăng trong dãy phượng đỏ chói chang những ngày mới lớn. Thơ ấu đi và thơ ấu trở về giữa không gian quê nhà. Khoảng đời ở giữa là nỗi trống lưu vong. Những chuyến về Đông phương nói theo anh Thi Vũ là những lần “recharge our batteries”. Những thỏi pin cạn dần chất điện, hao hết nguồn năng nơi những vật lộn xứ người. Người khô héo miền đất khách như cây quít Hương Cần đem trồng nơi xứ tuyết. Cho đến sáng hôm nay tôi được tắm lại khung trời của nắng, gió và hơi hám người phương đông. Bây giờ hương quê là hít thở thật gần, trầm trầm khí quản. Mọi lời nói ngưng và không cần thiết khi bùng phổi căng gió, những cơn nồm của biển xa một thời và ngọn gió bắc mùa tháng chạp thuở trước quay về làm nổi ụ làn da vừa se lên trong cơn nắng.”

(32 năm nhìn lại, Bất Nắng, Vũ Hoàng Thư)

Trở lại Nhatrang, mái nhà xưa đã không còn, biết bao kỷ niệm từ nơi ấy một thuở thiếu thời. Tất cả đã đổi thay, cảnh vật cũng như lòng người. Tôi đâm thấy mình xa lạ ngay trên quê hương. Những háo hức nay thành hụt hẫng. Ngậm ngùi với ý nghĩa của hai chữ lưu vong. Khi cất bước ra đi như thân cây chỉ còn nùm rễ đứt, èo uột những rễ con còn lại bám vào đất mới, thế rồi một ngày tôi nhận ra mình chẳng thuộc về đâu, bên đó hay bên này... Lại bước đi, có lẽ.

đêm cuối ở nhatrang

hàng phi lao còn sót lại

vi vút gào ký ức

gởi lại em một mùa xanh

khi tóc cùng màu như liễu

tôi sẽ đi như 32 năm trước

tôi sẽ đi vội vã

như một lần

có thật đã 32 năm?

(Đêm cuối ở Nhatrang – Vũ Hoàng Thư)

oOo

Năm 1975 đối với người Việt là một năm tràn đầy biến động, đổi dời định mệnh, trên phương diện cá nhân cũng như của nước nhà. Nói như ông Thủ tướng cộng sản Võ Văn Kiệt, có một triệu người vui thì cũng có một triệu người buồn. Ông chỉ nói đúng một

phần nhỏ, thực sự có hơn ba triệu người “di tản” buồn bên ngoài và hàng chục triệu người không-di-tản buồn bên trong.

Danh từ “di tản” thường được dùng trong thuật ngữ quân đội. “Di tản chiến thuật” để nói đến việc di dời đội quân tạm thời cho một chiến thuật nhất định nào đó trong tương lai gần. Có thể nói di tản là triệt thoái để chỉnh đốn cho nhu cầu mới. Thời chống Pháp ta có tản cư để tránh giặc và hồi cư là trở về lại nguyên quán. Khi di tản không còn là tạm thời, hồi cư là vô vọng, tương lai đầy chông gai trước mặt nơi xứ lạ quê người, người Việt lưu vong buồn trong chờ đợi. Họ trở thành “người di tản buồn” khi “chiều rơi nhanh và đêm xuống rất mau”. Họ nhìn qua phía bên kia chân trời, giọng nhừa nhựa Khánh Ly như châm chích thêm niềm đau, “nhìn xa xăm về quê hương rất xa”. Bài hát “Người di tản buồn” của Nam Lộc càng lúc nghe càng thấm thía.

Những năm sau, trong cái buồn chung lưu xứ, bắt đầu hé ra đôi tia sáng, hy vọng. Tin kháng chiến dậy lên hừng hực lòng người hải ngoại. Mọi con tim trông chờ để rồi cuối cùng tắt ngúm trong tuyệt vọng của mọi người. Mặt khác, điểm nổi bật là báo chí truyền thông Việt bắt đầu ra đời làm việc kết nối đồng bào tỵ nạn năm châu. Những tờ tiên phong lúc ban đầu có Quê Mẹ ở Pháp, Hồn Việt, Văn Nghệ Tiền Phong ở Mỹ, v.v...

Tạp chí Quê Mẹ – Paris khởi xướng chiến dịch “Một Chiếc Tàu Cho Việt Nam” đến biển Đông cứu vớt người vượt biển bằng con tàu Île de Lumière (Đảo Ánh Sáng). Chiến dịch này đã được sự ủng hộ mạnh mẽ của hơn 160 nhân vật nổi tiếng trên thế giới bao gồm các nhà văn, nhà báo, công đoàn và chính giới đủ mọi khuynh hướng. Ngoại mục nhất, những trí thức thân tả của Pháp trước đây như Jean Paul Sartre, Raymond Aron vẫn thường đứng về phía cộng sản nay xoay qua ủng hộ cho người vượt biển Việt Nam. Ngoài ra Quê Mẹ còn chủ xướng phong trào “Chuyến lửa về Việt Nam” bằng cách gửi bài vở, tin tức, truyền đơn, báo chí hải ngoại về trong nước. Chủ đích là phá vỡ bức tường thành che đậy ngu dân từ nhà nước, và khai sáng, chiêu hồi cán bộ cộng sản, giúp họ bỏ chất cộng để trở lại bản thể Việt của người Việt, không còn là Việt cộng u muội nữa. Được như vậy, “chuyến lửa về Việt Nam” sẽ tạo nên một phong trào quốc kháng mạnh mẽ trong nước. Quốc kháng là gì? Nhà tranh đấu nhân quyền Thi Vũ – Võ Văn Ai chủ nhiệm báo Quê Mẹ giải thích:

“Toàn dân đã hận là hận sự đại khờ phá phách, hận sự phung phí di sản của tiền nhân, hận sự giam người không xét xử, đày người không lý do, giết người không góm tay. Cho nên bùng thức đầu tiên là niềm Quốc hận, mà kỳ thực chứa ngầm một ý thức Quốc Kháng.

Vì sao quốc kháng? Ý thức quốc kháng là gì?

Quốc kháng là sự đối kháng của toàn dân. Tính chất tiêu cực của đối kháng là quốc hận và tính chất tích cực của quốc hận là quốc kháng.” (30-4-1978)

Dần dà văn nghệ sĩ hải ngoại kết hợp làm báo văn học, đáng kể phải nói đến tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, Văn, Văn Học, Khởi Hành, Làng Văn, v.v... Cho đến khi kỹ thuật liên mạng phát triển, nhiều trang mạng văn học của người Việt xuất hiện làm đầu cầu cho việc sáng tác, nghiên cứu văn chương Việt đi thẳng đến đại chúng nhiều hơn, nhanh hơn báo giấy. Đầu tiên là trang Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng của Phạm Chi Lan, Gio-O của Lê Thị Huệ, Talawas của Phạm Thị Hoài. Không hẹn mà giới nữ lưu đứng đầu tiên phong trong việc sử dụng internet để giao lưu văn học cùng đại chúng. Sau đó rất nhiều trang mạng, blog của người Việt mọc lên khắp nơi trên thế giới.

Sự ra đời của báo giấy, báo liên mạng văn học của người Việt hải ngoại đã thiết lập lại nền văn học nhân bản có từ thời Việt Nam Cộng Hòa. Một cộng đồng văn chương Việt ở ngoài nước, nuôi dưỡng và làm sáng, làm đẹp ngôn ngữ Việt. Văn học Việt hải ngoại có phải là cánh tay nối dài của văn học Miền Nam trước 1975 hay không đó là một câu hỏi đáng được bàn luận. Tuy nhiên hít thở trong không khí tự do và vun xới tinh thần độc lập từ những giá trị căn bản con người ở các nước dân chủ tự do, giới sáng tác người Việt hải ngoại đã tạo cho mình một chỗ đứng rất riêng biệt trong văn học Việt Nam. Họ đã tạo nên một thành trì đối kháng với nền văn hóa chỉ đạo marxist, văn công, ca ngợi chế độ vẫn còn duy trì ở trong nước. Đó là mốc son của giới cầm bút ở bên ngoài. Hà Nội đã lo sợ và không ngừng đã phá cũng như xâm nhập chia rẽ hàng ngũ văn nghệ sĩ hải ngoại. Không thể không nhắc đến nhà văn Trần Hoài Thư một mình một ngựa, gìn vàng giữ ngọc bằng cách sưu tầm và phổ biến lại tài liệu, văn thơ của văn học Việt Nam Cộng Hòa trước 1975. Hà Nội chẳng thể tiêu diệt được nền văn học đó với chính sách đốt sách vở, học đòi chiêu thức phân thư khanh nho từ thời Trần Thủy Hoàng, từ đám vệ binh đỏ Maoism sau khi “giải phóng” miền Nam. Nền văn học đó vẫn hiên ngang tồn tại ở hải ngoại.

oOo

50 mười năm sau, đủ dài cho hai, ba thế hệ nối tiếp. Một bên trong, một bên ngoài. Ác mộng chiến tranh hầu như chỉ còn sót lại trong tâm tưởng của một thiểu số người Việt. Tất cả như nguội dần trong quên lãng. Tuy nhiên Cờ vàng vẫn tung bay mỗi lần lễ lạy, tưởng niệm, sinh hoạt cộng đồng và đã trở thành nghi thức. Đó là ID, là căn cước xác định một tập thể người Việt hải ngoại, độc lập với đảng cầm quyền trong nước. Một cộng đồng hải ngoại nhà nước không lay chuyển được nhưng vẫn được mời gọi đóng góp những khi cần. Hà Nội vẫn tiếp tục chiến dịch mưa dầm thấm đất cho đến khi địch thủ ngã xuống trong mòn rữa. Vì vậy người cầm bút hải ngoại đừng quên ghi nhớ và nhắc lại thời kỳ đen tối ở quê nhà, chẳng phải vì muốn đào xới thêm lên thù hận cũ, nhưng để lịch sử sẽ không tái diễn trong tương lai. Gần nửa thế kỷ trước nhà thơ Cao Tần tự hỏi cho mình mà cũng chính cho hết chúng ta, Ta làm gì cho hết nửa đời sau? Cao Tần đã phó thác hết cho cơn mộng, một cơn mộng dữ đồng bào anh em phải gánh chịu bên ngoài cũng như bên trong quê hương,

Hãy đem hết những đổi đời tan tác

Gói giùm vào cơn mộng dữ đêm qua

(Cao Tần)

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng trong bài “Ainsi Parlait Le Poète” đã cảnh báo về chế độ tù đầy cải tạo khắc nghiệt của chế độ cộng sản như thế này: “Thế kỷ hung man này có những vết chàm riêng của nó. So với đồng nghiệp xa xưa, tên cai tù hiện đại tinh vi hơn, kiến hiệu hơn, tinh táo hơn, giỏi hơn trong cái ngón nghề hành hạ và làm khổ tha nhân.”

“Chiều nay dưới giàn hoa thơm ngát êm đềm...” Lời ca Tuấn Khanh nhắc lại một ngày xanh tươi mát mẻ trong quá khứ. Có yên tĩnh quê nhà, có nắng hanh nắng ngày dưới giàn hoa thiên lý. Hoa thiên lý có màu vàng, thơm ngát, tên thiên lý gọi kêu vạn dặm muôn trùng xa. Dù có xa bao xa, ta vẫn nhận ra người. Những cái xa còn lay lắt khôn nguôi. Vươn tay ra tìm dù không nắm được cái đã mất, nhưng cái mất vẫn nằm mãi ngay trong hồn.

“Người di tản buồn” có còn buồn sau 50 năm? Có lẽ... cho đến cuối đời. Một điệu buồn man mác như sợi khói bay lên từ mái rạ cuối chiều ở một nơi xa xăm ngút ngàn ký ức.

*vũ hoàng thư*

Năm thứ 50 lưu xứ

(trích Tự do cùng ngôn ngữ, 50 Năm Văn Học Tiếng Việt Hải Ngoại, Gió-O sắp xuất bản)